TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN EAKAR** TỈNH ĐẮK LẮK	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2023/HNGĐ-ST
Ngày 27/7/2023
"V/v: Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EAKAR, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Hoàng Long.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Nguyễn Thế Hằng và ông Lê Khắc Dũng.

- ***Thư ký phiên tòa:*** ông Phan Hoài Đông - Thư ký Tòa án nhân dân huyện EaKar, tỉnh Đắk Lắk.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện EaKar, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:*** ông Cao Văn Tiến - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 07 năm 2023 tại hội trường Tòa án nhân dân huyện EaKar xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 188/2023/TLST – HNGĐ, ngày 09 tháng 05 năm 2023, về việc "*Kiện ly hôn*". theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 07 năm 2023 và quyết định hoãn phiên tòa số 22/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 20/7/2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1984 (có mặt).

Địa chỉ: Thôn B, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

- *Bị đơn*: Ông Lê Văn H1, sinh năm 1974 (vắng mặt lần thứ 2 không có lý do).

Địa chỉ: Tổ dân phố C, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:

Bà H và ông H1 sau một thời gian tìm hiểu thì tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 03/03/2023. Do tìm hiểu không kỹ nên sau khi về chung sống với nhau thì giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, thiếu

sự thông cảm, chia sẻ với nhau trong cuộc sống. Mặt khác ông H1 thường xuyên ghen tuông vô cớ, từ đó vợ chồng thiếu tin tưởng và tôn trọng nhau. Mặc dù bản thân bà H đã cố gắng để bảo đảm hạnh phúc nhưng ông H1 vẫn không thay đổi, mà mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trở nên trầm trọng hơn mỗi khi vợ chồng cãi nhau là ông H1 có hành vi bạo lực đối với bà H. Xét thấy cuộc sống vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà H làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông H1.

Về con chung: Bà H và ông H1 không có con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Lê Văn H1 trình bày:

Ông H1 và bà H đến với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 03/03/2023. Sau khi về chung sống với nhau thì giữa vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng thiếu tin tưởng nhau, từ đó thường xuyên xảy ra cãi vả, do không kiềm chế được nên ông đã có hành động bạo lực đối với bà H. Tuy nhiên ông H1 cho rằng mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức trầm trọng. Bà H làm đơn ly hôn thì ông không đồng ý và mong muốn bà H suy nghĩ lại để vợ chồng đoàn tụ.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: ông H1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kết quả xác minh nơi ông H1 và bà H đang sinh sống, chính quyền địa phương cho biết: Trong quá trình sinh sống tại địa phương vợ chồng ông H1 và bà H thường xuyên cãi vả làm mất an ninh chính trị trật tự tại địa phương nơi tạm trú, chính quyền địa phương nhiều lần nhắc nhỡ và ký cam kết nhiều lần nhưng vẫn tiếp tục gây mất trật tự tại địa phương.

Tại phiên tòa hôm nay bị đơn ông Lê Văn H1 vắng mặt lần thứ hai, căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, xét xử vắng mặt đối với bị đơn. Bà Nguyễn Thị H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết cho bà được được ly hôn với ông Lê Văn H1. Về con chung không có, về tài sản chung, nợ chung không đề yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đều thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn ông Lê Văn H1 đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các quyết định tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không có lý do

là vi phạm các quy định tại Điều 70, 72, và Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS).

Về nội dung: Do yêu cầu của nguyên đơn có căn cứ, nên đề nghị HĐXX chấp nhận, xử cho bà Nguyễn Thị H ly hôn với ông Lê Văn H1.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[**1**] Về tố tụng: Nguyên đơn bà H yêu cầu Tòa án giải quyết về việc ly hôn với bị đơn ông H1 có nơi cư trú tại huyện E, tỉnh Đắk Lắk nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện EaKar, tỉnh Đắk Lắk theo khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

Toà án quyết định đưa vụ án ra xét xử, bị đơn ông Lê Văn H1 vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự Tòa án xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

[**2**] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H và ông Lê Văn H1 tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn E, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 03/03/2023 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Theo lời khai của các đương sự cũng như kết quả xác minh xác định được rằng: Do quá trình tìm hiểu chưa kỹ nên vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, trong cuộc sống hôn nhân giữa vợ chồng bà H và ông H1 xảy ra nhiều mâu thuẫn, thiếu tin tưởng và xúc phạm nhau. Xét mâu thuẫn giữa bà H và ông H1 đã thực sự trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H, cho bà Nguyễn Thị H được ly hôn với ông Lê Văn H1

[**3**] về con chung: không có con chung.

[**4**] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên HĐXX không đề cập giải quyết.

[**5**] Về án phí: Bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí Hôn nhân Gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 266 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân gia đình;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27, tiểu mục 1.1 mục 1 phần II (Danh mục án phí) Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H.

1. Về quan hệ hôn nhân: cho bà Nguyễn Thị H được ly hôn với ông Lê Văn H1.

2. Về tài sản chung, nợ chung: các đương sự không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng mà bà H đã nộp tạm ứng án phí, theo biên lai thu tiền số AA/2022/0001018 ngày 09/05/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện EaKar.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Hoàng Long

Nơi nhận:
- TAND tỉnh ĐắkLắk;
- VKSND huyện EaKar;
- THADS huyện EaKar;
- UBND thị trấn E, huyện E
- Đương sự;
- Lưu HS.